TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: **65**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20-7-2018
V/v tranh chấp:"Không công nhận là vợ chồng "

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoài Đức Huệ

Ông Trần Văn Điệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Đình Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hoàng Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp "Không công nhận là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26/6/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp Vũng Gấm, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp 4, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị A có mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các bản khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:

Chị và anh Lê Văn T tự nguyện chung sống vào tháng 3 năm 2010, không tổ chức đám cưới và cũng không đăng ký kết hôn.

Anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 11 năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh T không đi làm, không quan tâm đến chị và con nên giữa anh chị xảy ra bất hòa. Từ khoảng tháng 9/2017 chị và anh T sống ly thân nhau. Nay chị đề nghị Tòa án xét xử không công nhận chị và anh T là vợ chồng.

- Con chung: Có 01 cháu tên là Nguyễn Thị Thanh V- sinh ngày 08/8/2011. Do chị và anh T không đăng ký kết hôn nên cháu V mang họ "Nguyễn" của chị. Nếu Tòa án xét xử, chị xin nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Chị đang làm công nhân, thu nhập trung bình mỗi tháng 5.000.000 đồng. Từ khi chị và anh T sống ly thân thì chị nhờ anh T nuôi dưỡng cháu V, cứ mỗi tuần chị đến thăm và mua đồ cho con.

- Tài sản chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn anh Lê Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo, quyết định để tham gia tố tụng nhưng anh T không đến Tòa án để giao nộp chứng cứ nên không có bản khai.*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Ngọc A và anh Lê Văn T tự nguyện chung sống vào năm 2010 nhưng không đăng ký kết hôn. Nay chị A yêu cầu xét xử không công nhận là vợ chồng với anh T, xin được nuôi con chung là cháu tên Nguyễn Thị Thanh V - sinh ngày 08/8/2011, không yêu cầu yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, 15, 16 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Văn T đã được tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Chị Nguyễn Thị Ngọc A yêu cầu xét xử không công nhận là vợ chồng với anh Lê Văn T vì anh chị chung sống nhưng không đăng ký kết hôn. Anh T cư trú tại ấp 4, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ pháp luật được xác định "Không công nhận là vợ chồng". Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc A, bị đơn là anh Lê Văn T.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc A chung sống với anh Lê Văn T vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010) nên hôn nhân trên không được xem là hợp pháp. Tại phiên tòa, chị A yêu cầu xét xử không công nhận là vợ chồng với anh T. Xét yêu cầu của chị A là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[4]. Về con chung: Chị A khai chi và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thị Thanh V - sinh ngày 08/8/2011. Tại phiên tòa, chị A xin được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Mặc dù hiện nay cháu V đang sống cùng anh T, nhưng anh T không đến Tòa án để cung cấp chứng cứ, cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con chung nên cần giao cháu V cho chị A nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật.

[5]. Tài sản chung, nợ chung: Chị A khai không có nên không xét.

[6]. Về án phí: Chị A phải chịu toàn bộ án phí HNGĐ theo quy định.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010), Điều 14, Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc A về việc "Không công nhận là vợ chồng" đối với bị đơn anh Lê Văn T.

1. Xử: Không công nhận chị Nguyễn Thị Ngọc A và anh Lê Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Thị Thanh V - sinh ngày 08/8/2011 cho chị A nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi vị trí nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 007810 ngày 24/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. Chị A đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị Ngọc A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Lê Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã H;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Mai